

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

PHẬT VÀ BỤT

TRỊNH SÂM

(PGS, TS Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh)

Về cách gọi tên Bụt, hiện nay có hai giả thiết: (i) bắt nguồn từ tiếng Phạn: **Buddha**; (ii) có nguồn gốc từ tiếng Hán: **Bồ đà**.

Cả hai cách lí giải đều cho thấy xu hướng đơn tiết hóa và đọc trại theo các âm cùng đặc tính.

Câu chuyện không đơn thuần về mặt chữ nghĩa mà phức tạp hơn nhiều, có liên quan đến nguồn gốc và quá trình du nhập Phật giáo vào Việt Nam.

Để thấy, hiện nay, trong tiếng Việt, Phật và Bụt song tồn. Trong giao tiếp, tùy theo yêu cầu diễn đạt mà có thể dùng Phật hay Bụt đều được và trong khá nhiều ngữ cảnh trung tính, hai từ này hoàn toàn có thể thay thế cho nhau. Nhưng phải thừa nhận, trong giao tiếp có tính nghi thức, Phật được dùng phổ biến hơn, trong khi đó Bụt được dùng nhiều trong sinh hoạt hàng ngày. Từ đây kéo theo cái ấn tượng bác học và trang trọng của từ **Phật** và tính chất mộc mạc, dân dã của từ **Bụt**. Nói cho rõ ràng, trong một số tổ hợp có tính chất thành ngữ, quán ngữ dù trong địa hạt giao tiếp nào thì **Phật** vẫn được sử dụng trong tổ hợp cố định như: *Mô Phật, nam mô a di đà Phật, lạy Phật, vái Trời, vái Phật, nói có trời Phật, có Trời Phật chứng giám...* Còn nhìn chung là có thể thay thế cho nhau: *hiện như Bụt (Phật), đi với Bụt (Phật) mặc áo cà sa...* Tìm kiếm trên Goole cho thấy, **Phật** có tới 22.800.000 kết quả, trong khi **Bụt** chỉ có 1.830.000 kết quả. Điều này cho thấy, tính phổ biến của từ **Phật** hiện nay. Cũng cần lưu ý là, từ **Bụt** xuất hiện rất nhiều trong văn học cổ từ thời Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm...

Gần đây, nằm trong chiều hướng tìm về cội nguồn, tìm ra bản sắc văn hóa dân tộc, có nhiều bài viết rất thú vị về hình tượng Bụt trong không gian tinh thần của người Việt, qua khảo sát tư liệu từ văn học dân gian như truyện cổ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ...Quả nhiên, Bụt trong tâm thức của người Việt rất dân dã, gần với ông tiên, ông trời, là biểu tượng của hiền minh, của công lí, chuyên giúp đỡ người nghèo khó, gặp hoạn nạn, bị bức hiếp. Nói khái quát, hình tượng Bụt được Việt hóa theo cảm xúc dân gian, đời hơn, năng động hơn, chứ không quá câu nệ vào giáo lí Phật pháp.

Tuy nhiên, có một điều đáng chú ý, một số bài viết nằm trong chiều hướng trên thường thờ ơ sự hóa chữ nghĩa mà xét về văn bản học, khó lòng chấp nhận được.

Hãy quan sát văn bản (có thể có nhiều biến thể) được trích dẫn khá phổ biến trong các bài viết gần đây:

“Nu na nu nống
Cái ống (cái bóng) nằm trong
Con ong nằm ngoài
Củ khoai chấm mật
BỤT ngồi **BỤT** khóc
Con cóc nhảy ra
Con gà ú ụ
Nhà mụ thổi xôi
Nhà tôi nấu chè
Tay xòe chân rụt.”

Vị trí từ **Phật** xuất hiện trong văn bản trên đều được các nhà nghiên cứu thay thế bằng từ **Bụt**.

Thoạt nhìn tưởng không có vấn đề gì lớn:

(i). Vì cùng thanh điệu, cùng loại âm tiết, sự thay thế hầu như không ảnh hưởng gì đến

âm hưởng của bài đồng dao mà còn thể hiện được cái chất dân gian và bao trùm lên hết, là dẫn liệu rất đắt chứng minh cho xu hướng Việt hóa: Bụt Việt Nam gần gũi, quen thuộc, xuất hiện trên cửa miệng của trẻ em đầy thôi!

(ii). Vì là sản phẩm của văn học dân gian, nên việc có dị bản là chuyện hết sức bình thường, nghĩa là bên cạnh các văn bản điển dạng, trên lí thuyết có thể tồn tại các biến thể.

Nhưng cần lưu ý rằng đây là bài đồng dao. Mục đích của đồng dao là giúp trẻ vừa chơi vừa học. Cha ông ta đã hình dung ra tác dụng giáo dục lớn lao của thể loại này, đó là cung cấp vốn từ ngữ và các mẫu câu đơn giản cho trẻ. Trẻ thuộc nhiều từ thì khả năng diễn đạt càng lớn, mà khả năng diễn đạt càng lớn thì tư duy càng phát triển.

Về mặt tổ chức văn bản, một trong những đặc điểm quan trọng nhất của đồng dao là liên kết hình thức. Nói cụ thể, ở đây bất chấp sợi dây mạch lạc ngữ nghĩa, mà liên kết thuần túy là âm thanh. Cho nên, tiếp xúc với các văn bản đồng dao, ta dễ thấy bình diện hình thức nổi trội hơn bình diện nội dung. Đây là nguyên nhân dẫn đến sự mờ nhạt về chủ đề.

Xuất phát từ chức năng làm phong phú vốn từ cho trẻ và vừa giải trí vừa học, với yêu cầu phải làm sao cho dễ nhớ, dễ thuộc, việc tổ chức văn bản ưu tiên sử dụng đường dây ngữ âm. Trong đó, âm tiết cuối của dòng trước phải hiệp vần với một số âm tiết ở dòng tiếp theo, theo một chu kì khép kín. Và về nguyên tắc là tiếp xúc với câu đồng dao trước, dựa vào vần của âm tiết cuối, ta có thể đoán được vần chủ đạo của câu tiếp theo. Do vậy, với mô hình ngữ âm cho sẵn, trẻ có thể chế tác thành các văn bản khác nhau, hoặc trong quá trình chơi, nhớ có quên câu nào thì chính vần sẽ gợi lại cho các em nhớ, thậm chí các em hoàn toàn có thể lấp đầy văn bản

một cách ngẫu hứng, miễn sao duy trì được đường dây liên kết là được.

Mô hình ngữ âm của bài đồng dao :

nu -----NỔNG
 (cái) ỒNG-----TRONG
 (con) ONG-----NGOÀI
 (củ) KHOAI-----MẬT
 PHẬT-----KHÓC
 (con) CỐC-----RA
 (con) GÀ -----Ụ
 (nhà) MỤ-----XÔI
 (nhà) TÔI-----CHÈ
 (tay) XÒE-----rút

Sợi dây liên kết theo trật tự tuyến tính là: nóng - ồng, trong - ong, ngoài - khoai, mật - Phật, khóc - cốc, ra - gà, ụ - mụ, xôi - tôi, chè - xòe. Mô hình ngữ âm, ở đây là các vần móc xích vào nhau rất nghiêm ngặt. Nếu thay **PHẬT** cho **BỤT**, xét cục bộ trong từng câu đồng dao, như đã nói không ảnh hưởng gì, nhưng nếu nhìn toàn cục rõ ràng nó phá vỡ tính hệ thống của vần điệu, đó là chưa kể làm ảnh hưởng lớn đến bước thơ trong thi pháp đồng dao.

Do vậy, xét trên nhiều khía cạnh, trong văn bản đang khảo sát không thể thay **PHẬT** bằng **BỤT** được.

Xin trả lại đời sống vốn có và khách quan của văn bản đồng dao, không nên vì mục đích chứng minh cho việc Việt hóa mà thay đổi chữ nghĩa.

Thật ra, vấn đề nằm ở nội hàm của ý niệm chứ không phải là hình thức của cách định danh.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-07-2012)